

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST  
Ngày 12 - 7 - 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Đàm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Dương Ngọc Đức**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiêu**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Tuấn Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Giàng Mí N** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 02/01/1985; nơi sinh: xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn SL B, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Văn L (sinh năm 1960 - đã chết) và bà: Sùng Thị M (sinh năm 1963); có vợ là: Lầu Thị M1 (sinh năm 1984); có hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Căn cước công dân số: 00208500xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; tiền án, tiền sự: không nhân thân: Tốt;

Bị cáo hiện đang tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**2. Hoàng Văn H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 02/7/1990; nơi sinh: xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Th (sinh năm 1961) và bà: Lý Thị P (sinh năm 1962); có vợ là Hứa Thị D (sinh năm 1992); Có 02 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Căn cước công dân số: 00209000xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 09/5/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/12/2021, đến ngày 11/01/2022 chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang

chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 28/2022/ HSST-QĐ ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

**3. Lầu Mí V** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 08/3/1991; nơi sinh: xã STr, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn SL A, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn SL A, thuộc đảng bộ xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 41-QĐ/UBKTHU ngày 28/4/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; con ông: Lầu Vả S (sinh năm 1969) và bà: Vừ Thị D (sinh năm 1966); có vợ là: Sùng Thị C (sinh năm 1993); có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Căn cước công dân số: 00209100xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 02/02/2022, đến ngày 11/01/2022 chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 29/2022/ HSST-QĐ ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

**4. Vàng Mí N1** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 05/6/1991; nơi sinh: xã V, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn SC, xã STr, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn SC, thuộc đảng bộ xã STr, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 42-QĐ/UBKTHU ngày 28/4/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; con ông: Vàng Chúng D (sinh năm: 1976 - đã chết) và bà: Giàng Thị Ch (sinh năm 1976 - đã chết); có vợ là: Giàng Thị M (sinh năm 1991); có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; Căn cước công dân số: 00209100xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 30/2022/HSST-QĐ ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

**5. Vừ Mí S** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 01/01/1994; nơi sinh: xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vừ Mí L (sinh năm 1967) và bà: Sùng Thị S (sinh năm 1969) ; có vợ là: Mua Thị C (sinh năm 1994); có bốn con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Căn cước công dân số: 00209400xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 31/2022/HSST-QĐ ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Vàng Mí N1:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa);

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lầu Mí V, Vừ Mí S:* Bà **Nguyễn Thị Hiến** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa);

- *Bị hại:* Anh **Phạm Anh V** - Sinh ngày 25/6/1990; địa chỉ: Tổ X, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Hoàng Văn Th** - Sinh ngày 14/7/1986, địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Chị **Lầu Thị M** - Sinh ngày 02/9/1984, địa chỉ Thôn SL B, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Thào Mí S1** - Sinh ngày 08/02/1989; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Chị **Vàng Thị V1** - Sinh ngày 19/9/1993; Địa chỉ: Thôn SC, xã STr, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt không lý do);

3. Anh **Lầu Mí S1** - Sinh ngày 01/01/1990; Địa chỉ: Thôn SP A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt không lý do);

*Người phiên dịch:* Anh **Vừ Mí S** - Sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2021, Giàng Mí N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt, tạm giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong quá trình điều tra, Giàng Mí N đã tự thú vào các ngày 06/12/2021 và 11/12/2021, N cùng Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1, Vừ Mí S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại khu vực đường liên thôn xã Sủng Là đi xã ST, huyện Đ thuộc thôn LCD, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 06/12/2021, Giàng Mí N một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn xanh – đen, BKS: 23N1-118.79 từ nhà lên bãi đá của gia đình N (*cách nhà N khoảng 200m hướng về Ủy ban nhân dân xã ST, huyện Đ*). Khi đến nơi, N gặp Hoàng Văn H (*là người lái máy xúc đục đá thuê cho N*), N hỏi "*Sao không làm nữa?*" thì H nói là "*bị hỏng 01 thanh chốt của búa đục đá thủy lực*", rồi H nói phải sang huyện M để sửa. Sau khi nghe H nói vậy, N nói ở thôn LCD để ở ven đường bê tông có một chiếc búa đục đá thủy lực giống chiếc búa của H đang sử dụng, N bảo "*tối nay đi xem có lấy được gì không*" H đồng ý. Khoảng 20 giờ 30

phút cùng ngày, N một mình điều khiển xe máy đi lên lán ngủ của H ngồi nói chuyện, lúc này trong lán có H, Vàng Mí N1 ngồi nói chuyện. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, N gọi Vừ Mí S đi từ lán trên xuống. Khi S xuống đến nơi N chỉ bảo với S, N1 là đi ra đây một tí. Cùng lúc này có Lầu Mí V đi uống rượu về, N nói lấy xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu sơn xanh, BKS: 23N1-130.94 (xe của Lầu Mí Ch, sinh năm 1996, trú tại thôn SC, xã STr, huyện Đ để ở lán) chở N1, S đi cùng thì V đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe máy BKS: 23N1-118.79 chở H (trước khi đi H có lấy từ trong lán 01 chiếc búa cầm tay, 01 đoạn sắt tròn) đi trước, còn V điều khiển xe máy của Ch chở N1, S (V, N1, S đều là người làm thuê của N) đi theo đường bê tông liên thôn hướng ra ngã ba P, huyện Đ. Đi được khoảng 02km thì đến chỗ để chiếc búa đục đá thủy lực (thuộc thôn LCD, xã SL). N, Vàng điều khiển xe quay ngược lại về phía thôn SL B, xã ST khoảng 20m rồi dừng xe lại. Sau đó, cả năm người tiến đến vị trí chiếc búa đục đá thủy lực đang được nằm nghiêng ở bên phải đường (tính từ ngã ba P đi thôn SL B). H đưa điện thoại của H cho N bật sẵn đèn pin để soi, còn H, V, N1, S cùng nhau dựng chiếc búa từ trái sang phải. Sau khi dựng xong, H sử dụng tay trái cầm thanh sắt tỳ vào đầu của thanh chốt hình trụ của chốt đầu đỉnh búa đục đá thủy lực, tay phải cầm búa đập nhiều lần vào đầu còn lại của thanh sắt, đập liên tục khoảng 05 - 06 phút thì thanh chốt rơi ra. Lúc này, V, N1, S dùng điện thoại của mình bật đèn pin lên soi cho H, còn N chỉ đứng quan sát. Sau khi hai thanh chốt hình trụ rơi xuống đất, H tiếp tục dùng tay phải rút 02 thanh chốt hình chữ nhật, còn tay trái đẩy 02 thanh chốt theo hướng từ dưới lên trên rồi cầm lấy bốn thanh chốt bằng tay phải, tay trái cầm chiếc búa cùng thanh sắt. N hỏi H "làm sao lấy được cái đầu đỉnh của chiếc búa này" H nói "cứ rút là ra thôi" sau đó N bảo V, N1, S cùng nhau rút đỉnh khỏi búa đục đá thủy lực rồi đặt lên vai phải của S. Sau khi đã lấy được đầu đỉnh đục và 04 thanh chốt, tất cả ra về, V điều khiển xe máy chở S và chiếc đỉnh đi về trước, còn N chở N1, H theo sau. Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, V và N1 về đến lán ở taluy dương rồi dựng xe dưới đường, cùng nhau khênh chiếc đầu đỉnh đục cất vào góc tường, đối diện cửa ra vào của lán rồi V bảo S đưa V đi về nhà ngủ, H cất 04 thanh chốt, búa cầm tay, thanh sắt lên nắp bể nước ở gần lán ở taluy âm, lúc này S đưa V về nhà ngủ rồi quay lại lán.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 16 giờ ngày 10/12/2021, N đi lên bãi đá thì gặp H đang đứng ở lán, N vào lán ngồi thì H nói: "hết việc ở hồ treo rồi, anh thanh toán tiền để em còn về". Sau đó, N hỏi H về việc muốn lấy chiếc búa đục đá mà nặng như vậy thì phải làm như thế nào, H bảo dùng sợi xích của H là lấy được, nghe vậy N đồng ý. Do tối đó N uống rượu S nên không thanh toán tiền công cho H được. Đến khoảng 20 giờ 30, ngày 11/12/2021, sau khi ăn cơm ở nhà N xong H, V đi về lán, còn N1 ngủ lại nhà N. Về đến lán, H lấy bộ xích gồm 01 vòng sắt lớn có kích thước chiều dài 23cm x 14cm, được gắn, nối với 02 vòng sắt nhỏ hơn, mỗi vòng có gắn 02 đoạn dây xích có chiều dài tương đương nhau, dài 2,5m, phần cuối mỗi dây xích được nối, gắn với 01 móc câu bằng sắt từ lán ở taluy âm ra rồi cùng Vàng cố định xích lên thành thùng xe ô tô hãng Trường Giang, màu sơn xanh, BKS: 23C-041.13 của N. H móc 01 đầu xích vào bên phải phía trước thùng, giáp cabin, V móc 01 đầu xích ở bên trái, phía trước thùng, 02

đầu dây xích còn lại được treo thả tự do ở trên thùng xe. V nhặt một sợi dây curoa vút lên thùng xe rồi đi ngủ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại báo H và V mang xe ô tô xuống nhà N. V điều khiển xe ô tô của N chở H xuống nhà N thì thấy N và N1 đang đứng trước cửa nhà N. Sau đó, N điều khiển xe máy BKS: 23N1-118.79 chở N1 đi trước, còn V chở H đi sau theo hướng ngã ba P với mục đích trộm chiếc búa đục đá thủy lực mà bốn người đã tháo trộm đầu đinh đục và 04 thanh chốt vào ngày 06/12/2021. Khi cách chiếc búa khoảng 40m thì V điều khiển xe ô tô quay đầu lại hướng đi nhà N, còn N điều khiển xe máy đi qua chiếc búa đục đá thủy lực khoảng 100m rồi quay lại để xe máy trước đầu xe ô tô. Sau đó V điều khiển xe ô tô lùi về vị trí để búa. Do V lùi xe ô tô cách xa chiếc búa nên H không buộc được chiếc xích sắt vào chiếc búa, thấy vậy, N lên lùi xe thay V. Khi N lùi xe sát với chiếc búa, nâng thùng xe lên thì H sử dụng 01 đoạn dây curoa được V chuẩn bị từ trước, gấp đôi lại rồi luồn vào 01 lỗ giữa của chiếc búa và buộc 02 đầu dây curoa lại với nhau. Sau đó, H kéo 01 móc của dây xích qua khe hở dưới tấm chắn thùng, móc vào dây curoa đã buộc luồn qua búa thì V tiếp tục lên xe thay N, điều khiển xe tiến về phía trước khoảng 01m thì dây curoa bị đứt. Lúc này, N mới điều khiển xe để lùi xe sát với chiếc búa đục đá thủy lực hơn. V và N1 soi đèn cho H để H kéo 01 đầu dây xích qua phía dưới tấm chắn thùng bên ở phía sau ô tô rồi luồn vào lỗ giữa của chiếc búa, móc chiếc móc của dây xích vừa luồn qua lỗ vào chiếc móc của dây xích thả tự do còn lại. Sau khi H móc xong, N điều khiển xe di chuyển kéo theo chiếc búa đục đá thủy lực được 40m thì dừng lại. N tiếp tục nâng ben hết cỡ, còn H, V, N1 cùng nhau dựng chiếc búa lên rồi H dùng dây xích luồn qua lỗ giữa của búa, kéo đầu móc xích ra khỏi lỗ búa. Sau đó, H tiếp tục kéo đầu dây xích đang treo tự do còn lại móc vào vòng sắt trung tâm của 04 dây xích. Sau khi buộc xong búa đập đá, N hạ thùng xe xuống làm chiếc búa đục đá thủy lực treo áp vào thành sau thùng xe ô tô, H lên ngồi ghế phụ của xe ô tô, N điều khiển xe ô tô đi về trước, còn V điều khiển xe máy chở N1 đi về sau. Khi về đến khu vực bãi đá của gia đình N, N tiếp tục nâng thùng xe lên để cho H tháo xích ra khỏi búa đập rồi N hạ thùng xe xuống. Sau đó, N tháo móc xích bên trái xe, V tháo móc xích bên phải phía trước thùng ben rồi N điều khiển ô tô cất tại bãi đỗ xe gần lán taluy âm. N bảo H điều khiển chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU PC128US của Hoàng Văn Th xúc đất tạo thành hố đất rồi dùng máy xúc gạt cho búa đập đá xuống hố và lấp đất vào hố vừa đào. Sau đó, H và V đi về lán ngủ, còn N chở N1 quay lại vị trí trộm búa để nhặt lại dây curoa bị đứt. Khi tới nơi, N1 xuống xe nhặt đoạn dây curoa rồi trèo lên ngồi sau xe N để về nhà. Khi N điều khiển được khoảng 20m thì N1 vút đoạn dây curoa xuống taluy bên phải đường, hướng về thôn SL B, xã ST. Lúc này vào khoảng 01 giờ 30 ngày 12/12/2021, N đưa N1 đi về lán ngủ, còn N về nhà ngủ.

Sau khi phát hiện chiếc búa đục đá thủy lực bị trộm cắp, anh Phạm Anh V đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Ngày 01/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Giàng Mí N về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 01/KL-HĐĐG ngày 07/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Chiếc búa đập đá có nhãn hiệu OKB 1000 có giá trị của tài sản là 75.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-HĐĐG ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận về giá trị của 01 chiếc đinh búa phá đá của máy xúc; 04 thanh chốt kim loại của đầu búa đập đá OKB 1000, có giá trị là 3.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 24/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Vừ Mí S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1, Vừ Mí S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí N từ 27 đến 30 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Mí V, Vàng Mí N1 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí S từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Do các bị cáo đều thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không đề cập đến hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 24/01/2022, tại thôn Lũng Cầm Trên, xã Sủng Là, huyện Đ, anh Phạm Anh V cùng với các bị cáo Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1 và chị Lầu Thị Mỹ (vợ của bị cáo Giàng Mí N) tiến hành lập Biên bản khắc phục hậu quả. Kết quả: anh Phạm Anh V, chị Mỹ và 03 bị cáo đã thống nhất cho 04 bị cáo N, H, Vàng, N1 có trách nhiệm thuê người đắp toàn bộ lề đường bê tông từ thôn LCT, xã SL, huyện Đ đến thôn SL B, xã ST (do anh V bị mất búa đục đá nên không thi công được) với tổng chi phí là 32.000.000 đồng. Nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết nữa.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý: trả lại ngay 01 chiếc búa đập đá máy xúc nhãn hiệu OKB 1000, 01 chiếc đinh búa phá đá của máy xúc, 02 thanh chốt kim loại hình chữ nhật; 02 thanh kim loại hình trụ cho bị hại Phạm Anh V; trả lại ngay cho anh Hoàng Văn Th 01 bộ dây xích bằng sắt gồm: 01 vòng sắt lớn nối với 02 vòng sắt nhỏ hơn, mỗi vòng có gắn 02 đoạn dây xích có chiều dài tương đương nhau, dài 2,5m, phần cuối mỗi dây xích được nối, gắn với 01 móc câu bằng sắt. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại 01 ô tô hãng Trường Giang, BKS: 23C-041.13 (thu kèm theo 01 tờ photo bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô), 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS: 23N1-118.79 (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy) cho vợ chồng bị cáo Giàng Mí N. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 03 chiếc điện thoại của các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc búa cầm tay, 01 thanh kim loại.

Về án phí: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, hiện đang sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là anh Phạm Anh V có ý kiến: Sau khi sự việc xảy ra, ngày 24/01/2022, các bị cáo Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1 và chị Lầu Thị M (vợ của bị cáo Giàng Mí N) đã thống nhất thỏa thuận phương án khắc phục hậu quả: 04 bị cáo N, H, V, N1 có trách nhiệm thuê người đắp toàn bộ lề đường bê tông từ thôn LCT, xã SL, huyện Đ đến thôn SL B, xã ST (do anh bị mất búa đục đá nên không thi công được) với tổng chi phí là 32.000.000 đồng. Nay gia đình các bị cáo đã thực iện việc đắp lại đường theo đúng cam kết nên anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 5 bị cáo. Anh có ý kiến xin lại chiếc búa đập đá cùng các đinh và chốt mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh. Ngoài ra, anh không còn ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn Th có ý kiến: anh là anh trai ruột của Hoàng Văn H, chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU PC128US và bộ xích là của anh, anh giao cho Hoàng Văn H quản lý và trực tiếp điều khiển máy khi đi làm cho các công trình, việc H cùng các bị cáo đã sử dụng máy xúc và bộ xích của mình để thực hiện hành vi trộm cắp. Ngày 10/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại chiếc

máy xúc cho anh. Nay anh xin được trả lại bộ xích và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lầu Thị M có ý kiến: Chị là vợ bị cáo Giàng Mí N, chị không biết việc bị cáo N đã sử dụng chiếc ô tô BKS: 23C-041.13 và chiếc xe máy BKS: 23N1-118.79 là tài sản chung của vợ chồng chị vào việc trộm cắp tài sản. Nay chiếc ô tô là tài sản có giá trị và là phương tiện mưu sinh duy nhất, chiếc xe máy là phương tiện đi lại của gia đình chị nên chị mong muốn được xin lại các tài sản trên để tiếp tục mưu sinh và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình chị.

Tại phần tranh luận, các điều bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Vàng Mí N1 là bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, có đơn xin xét xử vắng mặt, bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo thể hiện quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn H, Vàng Mí N1. Riêng bị cáo Giàng Mí N, xin Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt từ 15 đến 20 tháng tù.

Người bào chữa cho các bị cáo Lầu Mí V, Vừ Mí S là bà Nguyễn Thị Hiến, có đơn xin xét xử vắng mặt, bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo thể hiện quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo Lầu Mí V, Vừ Mí S.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến gì thêm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản và có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc búa



đập đá có nhãn hiệu OKB 1000 và các phụ kiện kèm theo gồm: 01 chiếc đinh búa phá đá; 04 thanh chốt kim loại dùng để gắn đinh đục vào búa đập như bản nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Lầu Mí N1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản các bị cáo đã tham gia trộm cắp vào các ngày 06/12/2021 và 11/12/2021 có tổng giá trị là 78.100.000 đồng. Riêng bị cáo Vừ Mí S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản bị cáo đã tham gia trộm cắp vào ngày 06/12/2021 có giá trị là 3.100.000 đồng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Vừ Mí S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 173 của BLHS quy định:

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a)...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a) ...*

*b) ...*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

*d)...*

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Các bị cáo N, H, Vàng, N1 đều có chung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, cả bốn bị cáo này đều đã tự mình hoặc nhờ người thân tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Giàng Mí N đã tự thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Vừ Mí S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả năm bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội

đồng xét xử cho năm bị cáo được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trong vụ án này, bị cáo N là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, do vậy, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng cũng không thể áp dụng khoản 1 Điều 54 để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo. Xét vai trò của ba bị cáo H, V, N1, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo V, N1. Bị cáo S chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là thấp nhất.

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: cần cách ly bị cáo Giàng Mí N ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8] Đối với các bị cáo H, V, N1 đều là người giúp sức với vai trò không đáng kể ở cả hai lần trộm cắp tài sản, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích vụ lợi cá nhân, các tài sản trộm cắp được đều nhằm phục vụ công việc của N hoặc lấy về cho N. Hơn nữa, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu tới công cuộc phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa và lời thỉnh cầu của các bị cáo về việc áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định một khoảng thời gian thử thách đối với các bị cáo; giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Đối với bị cáo S có vai trò thấp nhất trong vụ án và có đủ các điều kiện như trên nên cũng được hưởng án treo.

[9] Xét thấy, bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc búa đập đá máy xúc nhãn hiệu OKB 1000, 01 chiếc đinh búa phá đá của máy xúc, 02 thanh chốt kim loại hình chữ nhật; 02 thanh kim loại hình trụ là tài sản của anh Phạm Anh V bị chiếm đoạt; 01 bộ dây xích bằng sắt là tài sản của anh Hoàng Văn Th, anh Th không biết các bị cáo sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại ngay cho các chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 ô tô

hãng Trường Giang, BKS: 23C-041.13 (thu kèm theo 01 tờ photo bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô); 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS: 23N1-118.79 (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy) là tài sản chung của vợ chồng chị Lầu Thị M và bị cáo Giàng Mí N, chị M không biết các bị cáo đã sử dụng tài sản trên vào việc phạm tội. Xét thấy chiếc ô tô là tài sản có giá trị và là phương tiện mưu sinh duy nhất; chiếc xe máy là phương tiện phục vụ đi lại của gia đình chị M. Tại phiên tòa, chị M có mong muốn được xin lại các tài sản trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận ý kiến của chị M, trả lại các tài sản trên cho gia đình chị để tiếp tục mưu sinh, nuôi sống các thành viên trong gia đình và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình chị. Đối với đối với 03 chiếc điện thoại của các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với đối với 01 chiếc búa cầm tay, 01 thanh kim loại là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc máy xúc là tài sản của anh Hoàng Văn Th, anh Th không biết các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội. Sau khi nhận được đơn xin lại tài sản của anh, ngày 10/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ-CQĐT trả lại cho anh Th tài sản trên. Xét việc xử lý vật chứng như trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Giàng Mí N, Hoàng Văn H, Lầu Mí V, Vàng Mí N1, Vừ Mí S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

### **2. Hình phạt:**

2.1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí N 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng

tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Mí V, Vàng Mí N1 mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Lầu Mí V cho Ủy ban nhân dân xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo Vàng Mí N1 cho Ủy ban nhân dân xã STr, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

### **3. Về vật chứng:**

3.1 Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*Trả lại ngay cho anh Phạm Anh V:*

- 01 chiếc búa đập đá máy xúc nhãn hiệu OKB 1000, màu vàng, chiều dài 1,4m; chiều rộng 1m, bề ngang rộng nhất là 37cm, bề ngang hẹp nhất là 22cm, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc đinh búa phá đá của máy xúc, kích thước chiều dài hiện tại của đinh là 94cm, đường kính phần đầu của đinh là 7,5cm, đường kính đinh là 10cm, đầu đinh còn lại là đầu nhọn để đục đá (hiện tại đã biến dạng);

- 02 thanh chốt kim loại hình chữ nhật có chiều dài 16 cm, chiều rộng 5,7cm, độ dày 2,9cm. Trong đó có 01 thanh bị gãy tách rời làm hai đoạn, 01 đoạn dài 08cm, 01 đoạn dài 7,4cm;

- 02 thanh kim loại hình trụ, có kích thước chiều dài 17cm, đường kính 1,5cm.

*Trả lại ngay cho anh Hoàng Văn Th:* 01 bộ dây xích bằng sắt gồm: 01 vòng sắt lớn có kích thước chiều dài (23 x 14) cm, được gắn, nối với 02 vòng sắt nhỏ hơn, mỗi vòng có gắn 02 đoạn dây xích có chiều dài tương đương nhau, dài 2,5m, phần cuối mỗi dây xích được nối, gắn với 01 móc câu bằng sắt.

3.2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho gia đình bị cáo Giàng Mí N (chị Lâu Thị M là người đại diện nhận):

- 01 ô tô hãng Trường Giang màu xanh, ở hai bên hai cánh cửa cabin có in chữ “Giàng Mí N - ST - ĐV - Hà Giang, ĐT: 01253.443.999, 3N/3.490.KG/6.700.KG”, BKS: 23C-041.13, xe đã cũ, đã qua sử dụng (thu kèm theo 01 tờ photo bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008602);

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu xanh - đen, số máy: JA38E0492922, số khung: RLHJA3826KY022534, BKS: 23N1-118.79, xe đã cũ, đã qua sử dụng (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto, xe máy số: 008859 mang tên chủ xe Giàng Mí N, sinh năm 1985, địa chỉ: xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang).

3.3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có màu xanh - đen, in chữ OPPO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có màu trắng, in chữ OPPO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có màu nâu - đen, có nhiều đường kẻ chéo và in chữ SAMSUNG, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng

3.4. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc búa cầm tay, tổng chiều dài 38cm (tính cả chuôi gỗ), đường kính chuôi 3,5cm. Đầu búa làm bằng kim loại kích thước (11 x 4 x 4,2)cm. Búa đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 thanh kim loại, có kích thước chiều dài 22,7cm; đường kính 1,3cm. Hai đầu có rãnh xoắn, trong đó có 01 đầu được hàn cố định với 01 ốc vít và 01 thỏi kim loại, kích thước có tổng chiều dài 05cm.

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 28/4/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

**4. Án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo .

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**6. Về điều kiện thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**